

GIẢI NGÕ TRẠM, GÁI TẠM THƯƠNG

Biểu diện của thành phố Hà Nội ngày nay đã thay đổi khác xưa nhiều. Nhưng cũng còn mấy nơi, cái bản lai diện mục vẫn phảng phất ở trước mặt mọi người, đúng như tên gọi của nó: phố Ngõ Trạm và ngõ Tạm Thương.

Ngõ Trạm tức là phố Hà Trung vì theo bản đồ Hà Nội ngày xưa, phố Hà Trung ở vào chính giữa - bốn, năm mươi năm về trước chỉ là một cái ngõ hẹp. Người ta dùng làm lối tắt cho các ngả vào thành và từ trong thành đi ra bên ngoài. Ngõ ấy có một cái nhà trạm, nhận các công văn ở trong tỉnh chuyển đệ đi các nơi. Cái nhà ấy ở vào giữa phố. Chừng bốn mươi năm trước từ phía Hàng Da đi xuống, ai qua phố ấy, thường vẫn thấy về bên tay phải, một cái nhà một tầng chật hẹp và lụp xụp, bên ngoài che màn hình màn hình. Đó tức là nhà trạm, tới nay vì người ở đông, người ta đã thay đổi mất hẳn cái di chỉ của nhà ấy rồi. Tại nhà trạm ấy có một viên dịch thừa trông nom, dưới quyền có những lính trạm để sai phái.

Những lính trạm ấy hầu thành một hạng người đặc biệt trong xã hội, do người ta đã lấy những kẻ táo tợn,

phũ phàng sung vào. Chúng ở rải rác khắp trong ngõ, hàng ngày đến nhà trạm một lần để chờ có việc sai phái. Kể nào được việc ra đi, trên đầu có đội một chiếc nón dẫu sơn, chóp nón thường cắm lông đuôi gà, quần áo thường mặc như lính lệ, ngắn đến đầu gối. Còn những kẻ không có việc sai đi, thì lại quần tam tụ ngũ ở các nhà chuyên việc cờ bạc bóc lột nhau, hay thuốc xái hút xách cùng bàn tán những chuyện nhảm nhí. Vì công việc hàng ngày ấy đã gây cho chúng một cái huy hiệu chung là “giai Ngõ Trạm” khiến cho những người lương thiện ban đêm qua lại ngõ ấy thường phải lưu ý đề phòng.

*

* *

download sachmienphi.com

Đổi lại với “giai Ngõ Trạm”, một sự phối ngẫu tự nhiên dường như xếp sẵn “gái Tạm Thương”. Bấy giờ người ta còn nhìn thấy ở trong những câu ca dao cái tình thần ngõ ấy, đại để như câu này:

Em là con gái Tạm Thương,

Dù không cày cấy, lương vàng cũng có một đôi quây.

Ghét cho miệng thế đặt bày,

Mọi gan móc ruột khéo lựa điều này tiếng kia.

Đó là lời các cô gái Tạm Thương muốn mình oan vì người ta đã buộc cho những tiếng ác, để chực kiếm lấy tám chồng đây. Nhưng thế gian chẳng ít thì nhiều, không dung ai có đặt điều cho ai. Bởi vậy, các cô dù muốn cãi thế nào, kết cục cái đức ông chồng của các cô,

ngoài “các giai Ngô Trạm” ra, ít có người được vừa đòi phải lúa. Thì đây, ta hãy nghe câu ca dao này:

*Anh giai Ngô Trạm phải hèn,
Phường trên ngô dưới biết tên những ngày,
Duyên lành chấp mối đấy đây,
Tạm Thương cô Choắt một tay chẳng vừa
Sớm cùng phận đẹp duyên ưa
Ông Tư bà Nguyệt dắt đưa nên gần.*

“Giai Ngô Trạm” ở trên đã nói rõ. Còn gái Tạm Thương là hạng người thế nào? Trước hết, tôi hãy xin giới thiệu về nơi đất quý đã sinh ra hạng “gái quý” ấy.

Các bạn đã biết, về phía đầu phố Hàng Bông bây giờ, có một cái ngõ hẹp thông sang phố Hàng Mành, người ta vẫn gọi là ngõ Tạm Thương.

Dù chỉ là một cái ngõ hẹp, nhưng cái tên gọi của nó rất có giá trị về quốc cố. Tạm Thương nghĩa là một kho tạm. Nguyên chính phủ ngày xưa, hàng năm lấy thuế của dân cả tiền lẫn thóc. Dân đem tiền và thóc lên tỉnh nộp, gọi là “đăng trường”. Việc nộp ấy rất phiền phức. Nhất là thóc lúa, còn phải do viên giám ty, tức gọi là viên thủ kho, xem xét kỹ càng thóc tốt hay xấu. Thóc của dân xã nào chưa được đăng trường ngay, phải đem quyền trừ vào các tạm thương trong ít ngày. Vì nơi ấy có mấy cái tạm thương, nên mới xuất sản một hạng gái đặc biệt.

Nguyên công việc xúc thóc, đổ thóc trong các tạm thương ấy, phần nhiều là đàn bà, con gái làm cả. Chúng

nhân việc ấy mà sinh mối tác tệ để cầu lợi riêng. Chúng thi nhau cấp nẩy, bớt xố số thóc của các làng. Có khi chúng lấy cấp quá nhiều, lại đem trấu trộn vào nữa. Vì sự làm bậy ấy tới ngày đem thóc đăng trường, không mấy làng còn giữ được nguyên số như khi mang ký tạm. Các lý dịch phải vội vàng đi vay thóc ngoài để bù cho đủ. Gọi là thóc ngoài, phần nhiều lại là thóc của chúng đã lấy cấp được đem ra. Trong lúc khẩn cấp, bị chúng bắt chẹt, lơ lãi nặng đến thế nào cũng phải cắn răng mà chịu. Còn dân xã nào bị chúng làm bậy mà thóc có nhiều trấu lẫn vào thì bị quở phạt, đánh đập rất khổ sở. Rồi lại phải vay của chúng để bù vào số thiếu, sau khi viên giám thị đã sai đem quạt sạch những trấu lẫn trong đó đi.

Bọn gái làm ở các tạm thương ấy, có tiếng nanh nọc nhất là thị Choắt, không ai dám dây. Ngoài công việc làm ở các tạm thương chúng còn làm những việc oái oăm như đánh nhau, chửi nhau thuê nữa. Đối địch được với chúng, chỉ có giai “Ngõ Trạm”.

MỒ CHÚ PHẦN

Hồ Hoàn Kiếm, chẳng những ngày nay mới trở nên một thắng cảnh do sức điểm xuyết của nhân công. Từ khi các triều vua đóng đô ở đây, vì có cái vẻ đẹp thiên nhiên, tự nó đã có một vị trí rất quan trọng về quốc cố và tôn giáo. Về quốc cố thì trước kia, nó đã được cái tên rất anh dũng là Thủy quân hồ (các đời chúa Trịnh thường dùng làm nơi luyện tập quân). Còn về tôn giáo, ngoài ngôi đền thờ Văn Xương đế quân ở ngay hòn Ngọc Sơn chính giữa hồ, trước đây, từ phía trên đi xuống, về bên tả ngạn hồ, hai tòa danh lam rất đồ sộ nguy nga, chiếm một phạm vi rất rộng làm cho hồ thêm vẻ mỹ quan.

Hai tòa danh lam ấy tức là chùa Tàu và chùa Quan Thượng, di chỉ của hai chùa ấy ngày nay đã mất hẳn không còn gì nữa.

Chùa Tàu là một ngôi chùa của các Hoa kiều lập ra, ở vào khu tòa Đốc lý và sở Kho bạc trung ương bây giờ. Khi chính phủ bảo hộ mới bắt đầu tổ chức cơ quan quản trị thành phố, lập ra tòa Nam chính, có cử một viên nam quan gọi là Hiệp lý. Tòa Hiệp lý, lúc ấy chưa có nơi riêng,

tạm đặt ở chùa Tàu. Viên Hiệp lý đầu tiên là ông họ Bùi. Ông này có tính gàn và hách vật, thường làm lắm sự ngang chướng. Một hôm, có viên thiên hộ Đỗ Xuân Mỗ đến khai trình việc gì đó, không chịu trút bỏ giày để ngoài, cứ tự do lẹp kẹp đi vào. Quan Hiệp lý Bùi liền nổi trận lôi đình, quở trách là vô lễ với thượng quan, sai lính nọc đánh ba mươi roi, rồi còn đe cách chức nữa. Viên thiên hộ, đứng trước cái oai quyền áp chế của kẻ làm trên mình, đành chịu cúi đầu đo đất, sau về phát đơn kiện mãi. Và cho cái chức Thiên hộ cũng chẳng về vang gì, ông liền từ bỏ, quay về nối lại nghiệp nhà, quyết định tên chiếm bằng vàng rồi cũng vông long như ai cho bỏ hờn, nếu lại có phen báo thù rửa nhục được. Nhưng chỉ ông dù to, mà tài ông có hạn, kết cục ông chỉ kiếm được cái “nãi dít” đổi được cái tên ông “Thiên” mà thôi.

Cũng vì sự lạm quyền của viên Hiệp lý kia, sau xét ra chức ấy cũng không bổ ích gì cho cuộc hợp tác, chính phủ liền bỏ đi.

Đó là một câu chuyện buồn cười, mỗi khi nhắc đến, người ta lại nhớ đến tàn cục của chùa Tàu.

Tập *Long Thành dật sử* của một cố lão, lại có một thiên giai thoại về ngôi chùa ấy, tức là “mồ chú Phấn”.

Hồi chùa ấy hương hỏa còn thịnh, mỗi khi khách thập phương vào văn cảnh, thường trông thấy ở góc vườn trước cửa chùa, một khoảng đất rộng bằng cái nia con, cỏ mọc um tùm, giữa có nắm đất đắp cao lên như cái đẩu. Theo lời nhà chùa thì đó là mồ chú Phấn.

Chú này người Quảng Đông, sang An Nam buôn bán từ hồi nào không rõ. Chỉ biết lúc đầu, chú làm đủ các việc, đến cả cái việc nhặt phân để bán cho các nhà làm ruộng, chú cũng không từ. Vì vậy, người ta mới gọi tên theo nghề làm: chú Phấn. Do sự chăm chỉ làm việc ấy, chẳng bao lâu chú đã trở nên một tay giàu có bạc vạn.

Về cách làm giàu của chú Phấn, chú chẳng hề giấu giếm gì. Chú lại thường nói sự làm nên giàu có tiền ngàn bạc muôn, người đời vẫn cho là khó khăn, riêng chú coi rất dễ dàng, nếu ai cũng chịu khó làm như chú. Có người hỏi cách làm thế nào. Chẳng e lệ, ngượng ngùng, chú đáp ngay bằng một giọng thực thà: “Có gì lạ đâu, cứ bỏ phất những cái mà người đời vẫn cho là những đức tốt, tức là *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín* mà làm công việc của mình, rồi giàu có ngay. Vì những cái ấy rất tổn hại đến đồng tiền và ngăn trở cho sự làm tiền rất lớn. Dù có bị đời đàm tiếu, thóa mạ cũng không cần, vì mục đích của mình là lấy tiền chứ không phải lấy tiếng”.

Theo phương pháp ấy, chú Phấn lại diễn một cách kỹ càng rằng: “*Nhân* là lòng thương người. Thương người tất phải cứu, mà trong đời này, biết bao nhiêu người cùng khổ, chỉ cứu được một số rất ít đã tổn hại một số tiền lớn rồi. Tôi chẳng cần cái tiếng “*nhân*” chẳng hề cứu giúp ai, suốt đời không mất một đồng xu nhỏ. *Nghĩa* là sự giúp người. Thường thấy có người nghĩa hiệp, lắm khi đến khuynh gia bại sản. Còn tôi, gặp việc gì cốt có lợi đã, nếu có lợi thì vô nghĩa cũng cứ làm. *Lễ* là sự vãng lai thù ứng, đầu đảo bảo lý là một sự

phiền. Riêng tôi, có ai cho tôi, chứ tôi không cho ai bao giờ cả. *Trí* là khôn ngoan. Ở đời, khôn ngoan lắm phải nghĩ ngợi nhiều. Tôi chỉ gặp sao làm vậy, cứ giả ngây giả điên mà nhiều khi ăn người. *Tín* là giữ lời hứa, vô ích lắm. Nếu gặp việc gì chắc kiếm được lợi thì cứ nhận liều hứa hão, cốt câu được đồng tiền vào bọc mình, rồi nuốt lời; vỗ trắng không ngượng ngùng. Bỏ được năm cái ấy, rồi lại bỏ luôn cả liêm sỉ nữa; cứ thế mà làm ăn buôn bán cái giàu trăm vạn làm nên thực dễ như trở bàn tay.

Nói thế nào, là được thế. Quả nhiên chú Phấn có được cái giàu mà người đời chẳng ai làm nổi. Tuy vậy, tới lúc cuối cùng là lúc sắp từ giã cõi đời, chú bị vợ con ép làm một việc trái với ý nguyện là bỏ một món tiền cúng vào chùa Tàu để kỷ táng năm xương tàn, hồng nhờ Phật độ. Chú Phấn cũng không chịu, kêu phí quá. Trước khi nhắm mắt, chú còn làm được chúc thư! Chỉ mua một miếng đất vừa vụn vùi năm xương tàn. Trên mồ không được bỏ đất không, phải giống những thứ rau, thứ cây gì có thể hàng năm bán được tiền để làm hương đăng trong những ngày kỵ lạp chú, chứ không được tiêu lạm vào số tiền huyết hãn của chú đã làm.

Thế ra chú Phấn định giữ cái giàu trăm vạn do chú đã chẳng quản miệng đời đàm tiếu, thóa mạ mà làm nên được đó và lâu dài. Ngờ đâu nó cũng chỉ là đám phù vân bị tan tác ngay trước khi ngôi chùa Tàu và năm mồ của chú bị đào, bị dỡ giữa một cuộc đời dâu bể đổi thay.

CÔ HÀNG HƯƠNG TRƯỚC CHÙA QUAN THƯỢNG

Cũng như chùa Tàu, trên tả ngạn Hồ Hoàn Kiếm, chùa Quan Thượng nay cũng không còn di chỉ nữa.

Bốn năm mươi năm về trước, chùa này tên chữ gọi là chùa Báo Ân, do quan Thượng Giai làm ra, nên gọi là chùa Quan Thượng. Cụ Nguyễn Đăng Giai là một vị đại thần về đời Minh Mạng, Thiệu Trị. Khi còn làm quan ngoài, ở tỉnh nào cụ cũng chăm dựng chùa chiền. Chùa Báo Ân này làm ra khi cụ giữ chức Tổng đốc Hà Nội. Vì sự hay làm chùa, cụ đã bị sĩ phu hồi ấy công kích. Có người làm thơ chế giễu, tới nay hãy còn hai câu truyền tụng:

*Phúc đức gì mà y bố đi Giai,
Làm cho tổn Bắc lại hao Đoài.*

Tuy di chỉ chùa ấy không còn, nhưng may lại còn được một dấu vết, tức là cây tháp Hòa Phong mà nhiều người nhận lầm là tháp Báo Thiên, đứng chắn giữa hè đường Francis Garnier, trước tượng Bon Be bây giờ. Vậy

tháp ấy, ngày xưa tức là cây tháp lớn đứng ngay giữa lối đi vào chùa Quan Thượng. Vị trí chùa ấy chiếm cả một khu rộng từ nhà Dây thép lớn lên mãi nhà Địa ốc ngân hàng. Cửa giữa ở ngay chỗ cây tháp lớn đi vào. Còn nhớ bốn mươi năm về trước, sau khi toàn thể ngôi chùa đã bị phá dỡ, còn trơ lại cái cổng, bên trên có bốn chữ: “Phương tiện pháp môn”.

Hàng năm, đến ngày hội 14 Juillet, già trẻ gái gái vẫn xúm nhau lại đó để chờ xem cuộc diễu binh.

Về lịch sử, chùa này cũng không có gì đáng kể, vì chưa phải là một nơi cổ xưa. Nhưng theo tập *Long Thành dật sử*, chùa đó có một câu chuyện nghe cũng hay hay.

Vào khoảng niên hiệu Tự Đức thứ XXV-XXVI có một thiếu nữ không rõ quê quán ở đâu, nhan sắc rất xinh đẹp, theo bà mẹ già đến mở một ngôi hàng hương trước cửa chùa. Nghe tin các vương tôn công tử nhất là học trò các trường hàng ngày lũ lượt kéo nhau đến, mượn tiếng mua hương vào lễ Phật, thực ra để nhìn cho rõ cái vẻ mày ngài mắt phượng của cô. Nhưng cô giữ vẻ rất nghiêm nghị không hề nói cười lơ lả cùng ai. Đôi khi có cậu nào muốn giở thói bỡn xôm, đến gần lại thấy e nề mà phải thôi. Nhiều cậu con nhà quý phái, lấy thế cha chú, cậy vị trụ trì trong chùa ấy đánh tiếng cầu hôn, cô đều từ chối và phát nguyện xin ở vậy thờ mẹ trọn đời, khi nào bà mẹ châu giời cô sẽ xuất gia đầu Phật.